

## ĐỀ TỰ LUYỆN SỐ 02

**Câu 1:** Nhìn vào Atlas ĐLVN trang 4, 5 . Cho biết cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt -Lào :

- A.Lao Bảo      B. Lào Cai      C. Mộc Bài      D. Vĩnh Xương

**Câu 2:** Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường nhập cư,...là vùng:

- A. Vùng đặc quyền về kinh tế      B. Thềm lục địa  
C. Lãnh hải      D. Tiếp giáp lãnh hải

**Câu 3:** Cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đông bằng Sông Hồng hiện nay đang chuyển dịch theo hướng:

- A. Tăng tỉ trọng công nghiệp, tăng tỉ trọng nông nghiệp  
B. Giảm tỉ trọng công nghiệp, tăng tỉ trọng nông nghiệp  
C. Tăng tỉ trọng công nghiệp, giảm tỉ trọng dịch vụ  
D. Tăng tỉ trọng công nghiệp, giảm tỉ trọng nông nghiệp

**Câu 4:** Lợi thế để phát triển ngành thủy sản ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. nằm gần Đông Nam Bộ nên có thị trường lớn.  
B. nằm gần các ngư trường lớn, có nhiều vũng vịnh, cảng cá.  
C. có nhiều cơ sở chế biến nông- lâm- thủy sản.  
D. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai như bão, gió mùa Đông Bắc.

**Câu 5:** Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 17, cho biết những trung tâm kinh tế nào dưới đây có quy mô trên 15.000 tỷ đồng và có khu vực III chiếm trên 50%GDP:

- A. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Biên Hoà      B. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ  
C. Hà Nội, Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh      D. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng

**Câu 6:** 5 quốc gia đầu tiên kí vào tuyên bố thành lập ASEAN vào năm 1967 là:

- A. Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin.  
B. Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Phi-líp-pin.  
C. Thái Lan, Lào, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia, Phi-líp-pin.

**D.** Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Bru-nây.

**Câu 7:** Đai ôn đới gió mùa trên núi, chỉ xuất hiện ở

**A.** khu vực phía Bắc dãy Bạch Mã.

**B.** vùng Tây Bắc và Tây Nguyên.

**C.** vùng núi Tây Bắc.

**D.** vùng Đông Bắc và Tây Bắc.

**Câu 8:** Trong các hoạt động lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ việc đẩy mạnh trồng rừng ven biển có ý nghĩa quan trọng nào dưới đây:

**A.** Hạn chế nạn cát bay, cát chảy lấn ruộng đồng, làng mạc.

**B.** Hạn chế tác hại các cơn lũ đột ngột.

**C.** Điều hoà nguồn nước.

**D.** Giữ nguồn gen các loài động vật, thực vật quý.

**Câu 9:** Sản xuất nông nghiệp ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá được thể hiện rõ ở đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Các mô hình kinh tế vườn được phát triển rộng rãi.

**B.** Cơ sở vật chất kĩ thuật của nông nghiệp được tăng cường.

**C.** Hình thành các vùng chuyên canh gắn liền với công nghiệp chế biến.

**D.** Cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm có sự phân hoá giữa các vùng.

**Câu 10:** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang 25, trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến nước ta phân theo khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ năm 2007, tỉ lệ lớn nhất thuộc về

**A.** Đông Nam Á.

**B.** Trung Quốc.

**C.** Hoa Kỳ.

**D.** Nhật Bản.

**Câu 11:** Hoạt động xuất khẩu của nước ta hiện nay đang có một trong những hạn chế lớn đó là:

**A.** Thị trường đang có xu hướng bị thu hẹp

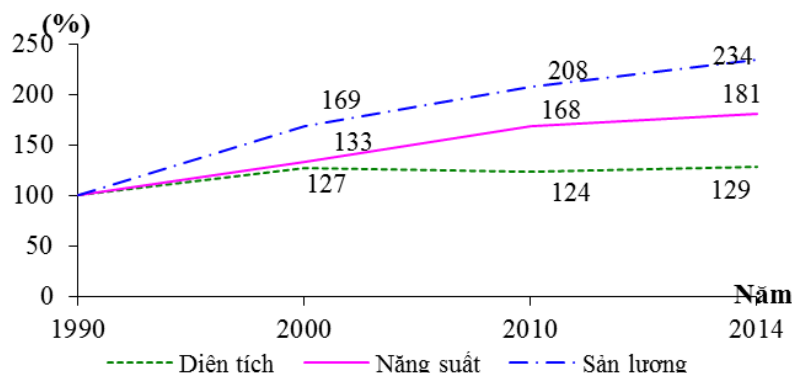
**B.** Tỷ trọng hàng chế biến tương đối thấp và tăng chậm

**C.** Chi phí sản xuất cao, sức cạnh tranh trên thị trường kém

## D. Công nghệ chưa cao nên chất lượng hàng hoá thấp

**Câu 12:** Cho biểu đồ:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2014



Căn cứ vào biểu đồ trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích, năng suất, sản lượng lúa cả năm của nước ta giai đoạn 1990 – 2014?

- A. Diện tích lúa tăng nhanh hơn sản lượng lúa.
- B. Diện tích, năng suất, sản lượng lúa tăng liên tục.
- C. Sản lượng lúa tăng liên tục và tăng nhanh nhất.
- D. Năng suất lúa tăng liên tục và tăng nhanh nhất.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết nhận định nào dưới đây đúng nhất về sản lượng ngành thủy sản:

- A. Ngành nuôi trồng có sản lượng luôn lớn hơn ngành khai thác
- B. Năm 2007, ngành nuôi trồng vượt ngành khai thác và chiếm 50,6% sản lượng
- C. Từ 2000 – 2007, sản lượng ngành thủy sản nước ta đã tăng gấp đôi
- D. Từ năm 2000 – 2007, sản lượng khai thác tăng 1,5 lần, nuôi trồng tăng 3 lần

**Câu 14:** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận định nào dưới đây đúng nhất về giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta từ 2000 – 2007?

- A. Tăng đều và khá nhanh với tốc độ gấp hơn 5 lần
- B. Tăng liên tục với mức bình quân mỗi năm tăng 1.333,2 nghìn tỷ đồng
- C. Tăng đều, với tốc độ bình quân nhanh dần
- D. Tăng liên tục, với tổng mức tăng đạt 1.133,2 nghìn tỷ đồng và gấp hơn 4 lần

**Câu 15:** Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay, một trong những hạn chế lớn nhất mà người lao động của nước ta cần phải nhanh chóng khắc phục, đó là:

- A. Thiếu tác phong công nghiệp
- B. Trình độ tay nghề còn thấp cần phải được nâng cao
- C. Nâng cao trình độ học vấn
- D. Kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp

**Câu 16:** Trong tình hình phát triển hiện nay, việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ có ý nghĩa quan trọng nào dưới đây?

- A. Khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản và giúp bảo vệ vùng trời, vùng biển của Tổ quốc
- B. Bảo vệ được nguồn lợi hải sản gần bờ
- C. Tăng được sản lượng khai thác, nâng cao giá trị ngành thủy sản
- D. Khẳng định vị thế của nước ta trên trường quốc tế và mở rộng được vùng trời, vùng biển

**Câu 17:** Xu hướng chung trong cơ cấu kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

- A. Tỉ trọng của công nghiệp và dịch vụ tăng, nông nghiệp giảm
- B. Tỉ trọng của công nghiệp tăng, nông nghiệp và dịch vụ giảm
- C. Tỉ trọng nông nghiệp và dịch vụ tăng, công nghiệp giảm
- D. Tỉ trọng của nông nghiệp và công nghiệp tăng, tỉ trọng ngành dịch vụ giảm

**Câu 18:** So với các loại thiên tai khác, bão là loại thiên tai nguy hiểm nhất ở nước ta là vì:

- A. phạm vi hoạt động rộng, thời gian kéo dài
- B. việc dự báo khó khăn, thiếu chính xác
- C. Gây thiệt hại kép do lượng mưa lớn và gió mạnh
- D. Năm nào cũng xảy ra và xảy ra bất ngờ

**Câu 19:** Nhân tố tự nhiên có ý nghĩa quan trọng nhất để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn nhất nước ta là

A. địa hình và khí hậu.

B. đất đai và nguồn nước .

C. đất đai và khí hậu.

D. đất đai và tập quán canh tác.

**Câu 20:** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 25, hãy xác định các trung tâm du lịch quốc gia của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ:

A. Huế, Đà Nẵng

B. Huế, Đà Nẵng, Nha Trang

C. Huế, Hội An, Mỹ Sơn

D. Huế, Đà Nẵng, Hội An, Mỹ Sơn

**Câu 21:** Việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ sẽ tạo ra động lực mới cho sự phát triển của vùng, nhất là việc

A. khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở nguồn điện rẻ và dồi dào

B. cung cấp nguồn điện giá rẻ cho các công trình thủy lợi

C. cung cấp điện sinh hoạt giá rẻ

D. nâng cao đời sống đồng bào thiểu số

**Câu 22:** Các bể khai thác dầu Rồng, Bạch Hổ, Hồng Ngọc thuộc bể trầm tích nào dưới đây?

A. Thổ Chu – Mã Lai

B. Nam Trung Bộ

C. Nam Côn Sơn

D. Cửu Long

**Câu 23:** Nhân tố tự nhiên được coi là quan trọng nhất để vùng Tây Nguyên phát triển cây cà phê là

A. địa hình có nhiều cao nguyên rộng lớn.

B. có hệ thống sông lớn cung cấp nước tưới.

C. khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

D. đất ba dan màu mỡ, khí hậu cận xích đạo

**Câu 24:** Bảo vệ rừng đầu nguồn lưu vực sông Đồng Nai, trước mắt là nhằm:

A. tăng cường nguồn nước cho hồ thủy điện Trị An.

B. phục vụ cho nhu cầu dân dụng và chất đốt ở TPHCM.

C. cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Tân Mai.

D. bảo vệ nguồn gen động - thực vật quý hiếm.

**Câu 25:** Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5 hãy cho biết đường bờ biển nước ta 3.260km nối liền các đơn vị hành chính nào dưới đây?

- A. Thành phố Móng Cái đến Thị xã Hà Tiên      B. Tỉnh Quảng Ninh đến Cà Mau  
C. Thành phố Móng Cái đến Thành phố Cần Thơ      D. Tỉnh Quảng Ninh đến Kiên Giang

**Câu 26:** Việc làm ở Đồng bằng sông Hồng là vấn đề nan giải, nhất là khu vực thành thị chủ yếu do

- A. nguồn lao động dồi dào, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo lớn.  
B. nguồn lao động dồi dào, trình độ của người lao động hạn chế.  
C. nguồn lao động dồi dào, nền kinh tế còn chậm phát triển.  
D. nguồn lao động dồi dào, tập trung đông ở khu vực thành thị

**Câu 27:** Tỉ trọng của khu vực nông\_lâm\_ngư nghiệp trong GDP ở các nước đang phát triển cao hơn ở các nước phát triển là do

- A. sản xuất nông\_lâm\_ngư nghiệp được chú trọng phát triển hơn  
B. trình độ công nghiệp hoá thấp hơn  
C. có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông\_lâm\_ngư nghiệp  
D. số lao động ở khu vực nông\_lâm\_ngư nghiệp nhiều hơn

**Câu 28:** Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 6,7, hãy cho biết các vịnh biển Hạ Long, Xuân Đài, Vân Phong, Vũng Rô thuộc các tỉnh tương ứng nào theo thứ tự dưới đây?

- A. Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ninh  
B. Quảng Ninh, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Định  
C. Bình Định, Quảng Ninh, Khánh Hoà, Phú Yên  
D. Quảng Ninh, Bình Định, Khánh Hoà, Phú Yên

**Câu 29:** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết cấp bách, đặc biệt là

- A. xây dựng cơ sở hạ tầng.  
B. tăng cường các cơ sở về năng lượng.  
C. thu hút lao động có kĩ thuật.  
D. đào tạo công nhân lành nghề.

**Câu 30:** Ba vấn đề quan trọng hàng đầu cần giải quyết để sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long đó là:

- A. Thuỷ lợi, cải tạo đất, bảo vệ rừng
- B. Thuỷ lợi, bảo vệ rừng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp
- C. Thuỷ lợi, bảo vệ rừng, sống chung với lũ
- D. Thuỷ lợi, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sống chung với lũ

**Câu 31:** Thời tiết khô nóng ở đồng bằng ven biển miền Trung vào đầu mùa hạ là do:

- A. Chịu ảnh hưởng của gió Tín phong Bắc bán cầu
- B. Gió mùa Tây Nam bị dãy Trường Sơn chặn lại
- C. Áp thấp Bắc Bộ hút gió mùa Tây Nam
- D. Hoạt động của áp cao Tây Ấn Độ Dương

**Câu 32:** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 30, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc?

- A. Vân Đồn
- B. Nhơn Hội
- C. Móng Cái
- D. Đình Vũ – Cát Hải

**Câu 33:** Chất lượng nguồn lao động của nước ta đang dần được nâng lên là do:

- A. Những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế
- B. Việc đẩy mạnh xuất khẩu lao động sang các nước phát triển
- C. Tăng cường giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề trong trường phổ thông
- D. Việc đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước

**Câu 34:** Nội dung nào sau đây là đúng về ý nghĩa của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp.
- B. Mở rộng các hoạt động dịch vụ.
- C. Tăng cường xuất khẩu lao động.
- D. Phát triển nông nghiệp hàng hóa.

**Câu 35:** Ở nước ta, Nam Trung Bộ là vùng có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển vì:

- A. Có thềm lục địa sâu và thu hẹp
- B. Ngoài khơi có nhiều đảo và quần đảo
- C. Núi chạy ra sát biển tạo thành nhiều vịnh biển sâu, kín gió
- D. Hướng bờ biển cùng chiều với hướng gió mùa

**Câu 36:** Cho bảng số liệu:

**LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM CỬ MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM Ở NƯỚC TA**

<b>Địa điểm</b>	<b>Lượng mưa (mm)</b>	<b>Lượng bốc hơi (mm)</b>	<b>Cân bằng ẩm (mm)</b>
<b>Hà Nội</b>	1.676	989	+ 687
<b>Huế</b>	2.868	1.000	+ 1.868
<b>TP. Hồ Chí Minh</b>	1.931	1.686	+ 245

Nhận định nào dưới đây **chưa chính xác**:

- A. Huế có cân bằng ẩm cao nhất do mùa mưa lại trùng với mùa lạnh nên nước ít bốc hơi.
- B. Tp. Hồ Chí Minh mưa nhiều hơn Hà Nội do trực tiếp đón gió mùa Tây Nam và nằm gần biển hơn.
- C. Huế có lượng mưa lớn nhất do có bức chắn Bạch Mã và chịu ảnh hưởng nhiều của bão.
- D. Tp. Hồ Chí Minh mưa khá nhiều nhưng bốc hơi nhiều do nắng nóng quanh năm nên cân bằng ẩm cao.

**Câu 37:** Dân cư khu vực Đông Nam Á tập trung ở:

- A. Vùng đồng bằng và các cao nguyên.



**B.** Vùng ven biển và các cao nguyên.

**C.** Vùng núi và cao nguyên.

**D.** Vùng đồng bằng và vùng ven biển.

**Câu 38:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm thường phân bố theo quy luật:

**A.** Gần trực tiếp với các vùng chuyên canh, các vùng nguyên liệu.

**B.** Tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn vì có thị trường lớn.

**C.** Gần trực tiếp với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

**D.** Gần trực tiếp với các vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

**Câu 39:** Cho bảng số liệu:

**LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ NƯỚC TA  
GIAI ĐOẠN 2000 – 2012**

(Đơn vị:

nghìn người)

<b>Năm</b>	<b>Nhà nước</b>	<b>Ngoài nước</b>	<b>Có vốn đầu tư nước ngoài</b>
<b>2000</b>	4.358	32.358	358
<b>2005</b>	4.969	36.633	914
<b>2008</b>	5.059	39.707	1.695
<b>2012</b>	5.107	42.294	1.726

Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu lao động nước ta phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2000 – 2012 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền

**B.** Kết hợp cột đường

**C.** Cột

**D.** Tròn

**Câu 40:** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên đối với hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta là:

**A.** Hoạt động của gió mùa Đông Bắc.

**B.** Suy giảm nguồn tài nguyên.

**C.** Hoạt động mạnh của bão và áp thấp nhiệt đới .

**D.** Môi trường nước bị ô nhiễm.

----- HẾT -----

**ĐÁP ÁN**

1 A	11 B	21 A	31 B
2 D	12 C	22 D	32 B
3 D	13 B	23 D	33 A
4 B	14 D	24 A	34 D
5 C	15 B	25 A	35 C
6 A	16 A	26 C	36 D
7 C	17 A	27 B	37 D
8 A	18 C	28 D	38 D
9 C	19 C	29 B	39 A
10 A	20 A	30 B	40 C